

Bản án số: 60/2023/HC-PT

Ngày: 17/02/2023

V/v: “*Kiến quyết định hành chính*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Cường

Các thẩm phán: Ông Lê Tự
Ông Nguyễn Tấn Long

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Phong, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông Lê Phước Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 02 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 253/2022/QĐ-PT ngày 28 tháng 10 năm 2022 về “*Kiến quyết định hành chính*”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2022/HC-ST ngày 20/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 536/2023/QĐ-PT ngày 30 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Chế Thị Thanh K, sinh năm 1962. Địa chỉ: thành phố K, tỉnh Kon Tum, có mặt.

- Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố K, tỉnh Kon Tum. Địa chỉ: thành phố K, tỉnh Kon Tum.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Anh H – Phó Chủ tịch, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

- Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:

1. Chủ tịch UBND phường L, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông R – Phó Chủ tịch. Địa chỉ: thành phố K, tỉnh Kon Tum, có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt.

2. Anh Lê Văn T. Địa chỉ: thành phố K, tỉnh Kon Tum.

3. Anh Nguyễn Ngọc T và chị Nguyễn Thị T. Địa chỉ: phường L, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

4. Bà Đỗ L Mùi H, đồng thời là người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Nguyễn Công T. Địa chỉ: phường L, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

Những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Công T (đã chết) (chồng bà Đỗ L Mùi H):

Chị Nguyễn Thị Thu Đ, chị Nguyễn Thị Thu S, anh Nguyễn Công T, anh Nguyễn Công T (là các con của ông T). Cùng địa chỉ: Hẻm 59 đường N, tổ 2, phường L, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

Bà Phạm Thị N. Địa chỉ: tỉnh Gia Lai.

5. Ông Dương Văn M và bà Lê Thị Thu H. Địa chỉ: Hẻm 59 đường N, tổ 2, phường L, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

6. Ông Lê Quang M và bà Ngô Thị T. Địa chỉ: Hẻm 59 đường N, tổ 2, phường L, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

7. Ông Ngô Văn C và bà Ngô Thị G. Địa chỉ: Hẻm 59 đường N, tổ 2, phường L, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

8. Bà Chế Thị Thanh H. Trú tại: tỉnh Bình Phước.

9. Bà Chế Thị Hoàng H. Địa chỉ: tỉnh Kon Tum, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không rõ lý do (trừ các trường hợp có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt.

Người kháng cáo: Người khởi kiện bà Chế Thị Thanh K, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/4/2022 cùng các tài liệu chứng cứ và tại phiên tòa, người khởi kiện bà Chế Thị Thanh K trình bày và yêu cầu như sau:

Cha mẹ bà là ông Chế Thanh L (mất ngày 20/9/1996) và bà Nguyễn Thị L (mất ngày 07/11/ 2002). Ngày 25/7/1994 cha mẹ bà được UBND thị xã K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C414483, diện tích 4.268 m², thửa số 412, tờ bản đồ 05 tại xã Đ, thị xã K, tỉnh Kon Tum (nay là phường L, thành phố K, tỉnh Kon Tum) đứng tên cha bà là ông Chế Thanh L trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này. Cha mẹ bà sinh được 04 người con là Chế Thị Thanh H; Chế Thị Hoàng H; Chế Thị Thanh K và Chế Thị Bạch L (bà L mất ngày 09/4/2009). Cha mẹ bà mất không để lại di chúc nên ngày 01/02/2012 bà cùng hai người chị là Chế

Thị Thanh H và Chế Thị Hoàng H lập văn bản thỏa thuận tặng cho bà toàn bộ diện tích đất của cha mẹ bà để lại có liên quan đến việc làm đường P nêu trên. Nội dung này đã được hai người chị của bà là Chế Thị Thanh H và Chế Thị Hoàng H công nhận đúng và không có yêu cầu gì.

Khi còn sống, cha mẹ bà có chuyển nhượng một phần diện tích đất này cho hộ gia đình các ông: Lê Viết Đ (sau đó ông Đ tặng cho anh Lê Văn T và anh Nguyễn Ngọc T); Nguyễn Công T; Ngô Văn C; Lê Quang M; ông Nguyễn Văn S (sau đó ông S chuyển nhượng lại cho ông Dương Văn M). Do UBND thị xã K làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho những người này không đúng với diện tích đất mà cha mẹ bà đã chuyển nhượng có liên quan đến đường P, năm 2010 bà khiếu nại đến cơ quan có thẩm quyền yêu cầu giải quyết nên UBND thị xã K đã hủy bỏ các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của những người này.

Cuối năm 2008, phường L tiến hành đổ bê tông làm đường P xâm phạm đến diện tích đất của cha mẹ bà để lại, vì đoạn 1 dài 45,1m, đoạn 2 dài 20,2m trước đây đã có đường mòn 2m nhưng phường L làm đường bê tông rộng 2,5m. Đối với đoạn 3 lúc cha bà bán đất cho những người nêu trên không có đường, các hộ dân này tự mở đường trên đất của cha mẹ bà. Sau đó phường L làm đường rộng 2,5m, dài 30,58m. Không đồng ý với việc làm đường này của UBND phường L nên nhiều lần bà K làm đơn khiếu nại gửi UBND phường L và UBND thành phố K yêu cầu giải quyết.

Ngày 03/6/2011, Chủ tịch UBND phường L ban hành Quyết định số 17 có nội dung giải quyết khiếu nại của bà liên quan đến việc phường L làm đường P nêu trên, không đồng ý với Quyết định này nên bà tiếp tục khiếu nại đến UBND thành phố K.

Ngày 15/02/2022, Chủ tịch UBND thành phố K ban hành Quyết định số 136/QĐ-UBND có nội dung thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 17 nêu trên của Chủ tịch UBND phường L. Không đồng ý với Quyết định này của Chủ tịch UBND thành phố K nên ngày 01/4/2022 bà Chế Thị Thanh K khởi kiện vụ án hành chính ra TAND tỉnh Kon Tum yêu cầu hủy bỏ Quyết định số 136 nêu trên, với lý do bà K cho rằng Quyết định này trái pháp luật gây ảnh hưởng đến quyền lợi của bà.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa cùng các tài liệu, chứng cứ do người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện trình bày và cung cấp có nội dung như sau:

Ngày 25/7/1994, ông Chế Thanh L (cha của bà Chế Thị Thanh K) được UBND thị xã K cấp GCNQSDĐ số C414483, diện tích 4.268m², thửa số 412, tờ bản đồ 05 tại xã Đ, thị xã K (nay là phường L, thành phố K), tỉnh Kon Tum.

Năm 2010, bà K có đơn khiếu nại UBND thành phố K cấp GCNQSDĐ cho các hộ dân là Nguyễn Ngọc M; Lê Viết Đ (sau đó ông Đ cho 02 người cháu là Lê Văn T và Nguyễn Ngọc T); Nguyễn Văn S (ông S chuyển nhượng lại cho ông

Dương Văn M); Nguyễn Công T; Lê Quang M và Ngô Văn C không đúng diện tích sang nhượng thực tế so với diện tích do cha bà là ông Chế Thanh L chuyển nhượng trước đây. Ngày 29/11/2010, UBND thành phố K ban hành Quyết định số 1451 giải quyết khiếu nại của bà K, nội dung: công nhận nội dung khiếu nại của bà K. Giao Phòng TNMT thành phố K tham mưu lập thủ tục thu hồi các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho các hộ dân này, đồng thời lập thủ tục cấp mới lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ này đúng với thực tế theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật.

Tháng 01/2009, UBND phường L đưa vào sử dụng việc bê tông hóa con đường P, trên hiện trạng con đường mòn mà các hộ dân thường đi. Bà K khiếu nại cho rằng UBND phường L làm con đường P trên phần đất của ông Chế Thanh L khi chưa có sự thỏa thuận và đồng ý của gia đình. Ngày 30/11/2009, UBND thành phố K ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 1581/QĐ-CTUBND về việc giải quyết khiếu nại của bà K, nội dung không chấp nhận đơn của bà K, với lý do việc thi công đường bê tông tạo điều kiện cho người dân đi lại thuận tiện. Ngày 26/4/2010, Chủ tịch UBND thành phố K ban hành Quyết định số 454/QĐ-CTUBND hủy bỏ toàn bộ Quyết định giải quyết khiếu nại số: 1581/QĐ-CTUBND.

Ngày 21/4/2011 bà Chế Thị Thanh K khiếu nại việc: UBND phường L làm con đường P trên phần đất của ông Chế Thanh L (đã mất) cha ruột của bà K.

Ngày 03/6/2011, Chủ tịch UBND phường L ban hành Quyết định số 17/QĐ-CTUBND về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) đối với bà Chế Thị Thanh K. Nội dung:

+ Công nhận các nội dung khiếu nại sau của bà K:

Đoạn 1: từ đường N đi vào có chiều dài $(46,9\text{m} \times 2,5\text{m}) = 117,25\text{m}^2$ đoạn này là đoạn đường đi cũ đã có từ trước. UBND phường sẽ xác định lại phần diện tích đất lấn chiếm để dịch chuyển con đường P trả lại phần đất đã lấn chiếm theo đúng GCNQSDĐ đã cấp cho ông Chế Thanh L.

Đoạn 2: có chiều dài $20,2\text{m} \times 2,5\text{m} = 50,5\text{m}^2$ đoạn này nằm hoàn toàn trên phần đất đã cấp GCNQSDĐ cấp cho ông Chế Thanh L. UBND phường sẽ dịch chuyển đoạn này giáp đoạn 1 chạy dọc ranh giới đất ông Chế Khả góc của vuông góc với đất ông Ngô Văn C theo biên bản làm việc ngày 11/5/2011

+ Không công nhận một phần nội dung đơn khiếu nại của bà Chế Thị Thanh K, cụ thể như sau:

Đoạn 3: UBND phường làm đường bê tông đoạn này căn cứ vào GCNQSDĐ của 06 hộ dân đã được UBND thị xã K cấp năm 2003. UBND phường L sẽ đo lại và dịch chuyển con đường đi sau khi UBND thành phố K cấp GCNQSDĐ mới cho 06 hộ dân.

Ngày 18/4/2012, UBND thành phố K ban hành công văn số 444/UBND-NC

có nội dung trả lời khiếu nại của bà Chế Thị Thanh K liên quan đến Quyết định số 17 ngày 03/6/2011 của Chủ tịch UBND phường L.

Qua kiểm tra, xem xét Quyết định số 17 nêu trên của Chủ tịch UBND phường L, UBND thành phố K thấy rằng Quyết định này ban hành không đúng pháp luật nên ngày 15/02/2022 Chủ tịch UBND thành phố K ban hành Quyết định số 136/QĐ-UBND về việc thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 17/QĐ-CTUBND của Chủ tịch UBND phường L, thành phố K, tỉnh Kon Tum. Lý do: Quyết định giải quyết khiếu nại chưa phù hợp với tình hình thực tế, không đúng đối tượng và chưa đảm bảo trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Cụ thể của những lý do này là:

Trước khi tiến hành làm đường P, UBND phường L không làm việc với 06 hộ dân trước đây đã nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Chế Thanh L (cha bà Chế Thị Thanh K), tuy UBND phường L có làm việc với K, bà K chưa đồng ý nhưng phường L vẫn tiến hành làm đường, trong Quyết định này của Chủ tịch UBND phường L có nội dung công nhận đoạn 1, đoạn 2 và không công nhận đoạn 3 của đường P và Quyết định này đều có nội dung cho rằng UBND phường L sẽ dịch chuyển đường P giáp với đất ông Chế Khả là không phù hợp với thực tế.

Những người có quyền và nghĩa vụ liên quan trình bày:

Tại văn bản số 690 ngày 10/8/2022 của Chủ tịch UBND phường L và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND phường L trình bày và có ý kiến như sau:

Thông nhất với Quyết định hành chính số 136/QĐ-UBND ngày 15/02/2022 của Chủ tịch UBND thành phố K và không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà K; sau khi ban hành Quyết định số 17/QĐ-CTUBND ngày 03/6/2011, bà K vẫn tiếp tục khiếu nại QĐ này.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm các ông, bà Lê Văn T; Nguyễn Ngọc T; chị Nguyễn Thị T; Đỗ L Mùi H; Dương Văn M; Lê Thị Thu H; Lê Quang Min; Ngô Thị T và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Nguyễn Công T đều có ý kiến cho rằng: Khi còn sống ông Chế Thanh L (cha bà K) có chuyển nhượng đất cho những người này và tại thời điểm chuyển nhượng đất đã có đường mòn 02 mét (nay là đường bê tông P) tại vị trí đất có khởi kiện trong vụ án hành chính này. Quá trình giải quyết vụ án, bà K có đề cập đến việc UBND phường L làm đường bê tông P có liên quan đến những người này và đề nghị Tòa án đo đạc lại thực tế diện tích đất của những người này để làm căn cứ giải quyết vụ án. Nhưng lúc đối thoại và tại phiên tòa bà K không có yêu cầu gì đối với những người này nên Hội đồng xét xử không xem xét theo quy định tại các Điều 5; 7 Luật tổ tụng hành chính.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 22, 23/8/2022:

Đoạn 1 đường bê tông P: đoạn này có phần diện tích 55,4m² (chiều dài: 41,8m, chiều rộng: không đều) nằm trong diện tích đất đã được cấp GCNQSDĐ

của ông Chế Thanh L.

Đoạn 2 đường bê tông P: có phần diện tích 54,8m², đoạn 2 nằm trong diện tích đất đã được cấp GCNQSDĐ của ông Chế Thanh L.

Đoạn 3 đường bê tông P: có phần diện tích 100,8m², đoạn 3 nằm trong diện tích đất đã được cấp GCNQSDĐ của ông Chế Thanh L.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người bị kiện giữ nguyên quyết định hành chính đã ban hành. Các đương sự không đối thoại được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 04/2022/HC-ST ngày 20/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, Điều 157, 158, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 206, 345, 348, 358, 359 Luật tổ tụng hành chính;

Căn cứ khoản 5 Điều 29 Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, Luật Khiếu nại, tố cáo năm 2005;

Căn cứ Điều 30, khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Chế Thị Thanh K đề ngày 01/4/2022 về việc: yêu cầu Hủy Quyết định hành chính số 136/QĐ-UBND ngày 15/02/2022 của Chủ tịch UBND thành phố K về việc thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 17/QĐ-CTUBND ngày 03/6/2011 của Chủ tịch UBND phường L, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và quyền kháng cáo.

Ngày 05/10/2022, người khởi kiện bà Chế Thị Thanh K có đơn kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của người khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng Hội đồng xét xử phúc thẩm và Thẩm phán chủ tọa phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của Luật tổ tụng hành chính. Về nội dung: việc UBND thành phố K ban hành quyết định số 136/QĐ-UBND ngày 16/02/2022 khi chưa có sự kiện pháp lý nào xảy ra là không đúng và làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Chế Thị Thanh K. Tòa án cấp sơ thẩm xử bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là không có căn cứ, do đó đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 2 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính: Chấp nhận kháng cáo của bà Chế Thị Thanh K, sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra xem xét tại phiên tòa; xem xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, người khởi kiện có mặt. Đại diện theo uỷ quyền của người bị kiện vắng nhưng có đơn đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 225 Luật tố tụng hành chính.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện không rút đơn khởi kiện. Người kháng cáo giữ nguyên nội dung yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo, sửa Bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

[3]. Xét nội dung kháng cáo, thấy rằng: người khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 136/QĐ-UBND ngày 15/02/2022 của Chủ tịch UBND thành phố K. Quyết định hành chính bị kiện số 136/QĐ-UBND ngày 15/02/2022 của Chủ tịch UBND thành phố K có nội dung: Thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 17/QĐ-CTUBND ngày 31/6/2011 của Chủ tịch UBND phường L, thành phố K về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) đối với bà Chế Thị Thanh K.

Lý do thu hồi: Quyết định giải quyết khiếu nại chưa phù hợp với tình hình thực tế, không đúng đối tượng và chưa đảm bảo trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

[4] Xét tính hợp pháp của Quyết định hành chính số 17/QĐ-CTUBND ngày 03/6/2011 của Chủ tịch UBND phường L, có liên quan trong vụ án, thấy rằng:

Ngày 21/4/2011 bà Chế Thị Thanh K khiếu nại việc: UBND phường L làm con đường P trên phần đất của ông Chế Thanh L (đã mất) cha ruột của bà K, ngày 03/6/2011 Chủ tịch UBND phường L ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 17/QĐ-CTUBND.

Về trình tự, thủ tục ban hành Quyết định số 17/QĐ-CTUBND của Chủ tịch UBND phường L là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung của Quyết định số 17/QĐ-CTUBND, thấy rằng: sau khi xác minh nguồn gốc của thửa đất liên quan đến nội dung đơn khiếu nại, Chủ tịch UBND phường L đã kết luận: Theo số liệu đo đạc của thanh tra sở Tài Nguyên và Môi T và kết quả xác minh, biên bản làm việc với bà Chế Thị Thanh K về việc bê tông hoá đường hẻm P có một phần diện tích nằm trên đất của ông Chế Thanh L (cha của bà K). Từ đó, công nhận một phần nội dung đơn khiếu nại của bà K, cụ thể như sau:

Đoạn 1: Từ đường N vào có chiều dài $46,9\text{m} \times 2,5\text{m} = 117,25\text{m}^2$. Đoạn này là đoạn đường đi cũ đã có từ trước. UBND phường sẽ xác định phần diện tích đất

đã lấn chiếm để dịch chuyển con đường P trả lại phần đất đã lấn chiếm theo đúng GCNQSDĐ đã cấp cho ông Chế Thanh L.

Đoạn 2: Có chiều dài là $20,2\text{m} \times 2,5\text{m} = 50,5\text{m}^2$. Đoạn này nằm hoàn toàn trên phần đất đã cấp GCNQSDĐ cho ông Chế Thanh L. UBND phường sẽ dịch chuyển đoạn này giáp đoạn 1 chạy dọc ranh giới đất ông Chế Khả góc của vuông góc với đất ông Ngô Văn C theo biên bản làm việc ngày 17/5/2011 với bà Chế Thị Thanh K.

Nội dung công nhận này phù hợp với kết quả xem xét thẩm định của Toà án cấp sơ thẩm tiến hành vào ngày 22/23 tháng 8 năm 2022 (BL-182):

Đoạn 1 đường bê tông P: đoạn này có phần diện tích $55,4\text{m}^2$ (chiều dài 41,8m, chiều rộng không đều) nằm trong diện tích đất đã được cấp GCNQSDĐ cho ông Chế Thanh L.

Đoạn 2 đường bê tông P: có phần diện tích $54,8\text{m}^2$, đoạn 2 này nằm trong diện tích đất đã được cấp GCNQSDĐ của ông Chế Thanh L.

Đoạn 3 đường bê tông P: có phần diện tích $100,8\text{m}^2$, đoạn 3 nằm trong diện tích đất đã được cấp GCNQSDĐ của ông Chế thanh L.

[5] Ngay trong Bản án sơ thẩm đã nhận định: việc con đường P có một phần diện tích nằm trên diện tích đã được cấp GCNQSDĐ cho ông Chế Thanh L là đúng sự thật, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Chế Thị Thanh K.

Từ những phân tích nêu trên, thấy rằng Quyết định 136/QĐ-UBND ngày 15/02/2022 của Chủ tịch UBND thành phố K về việc thu hồi, huỷ bỏ Quyết định số 17/QĐ-CTUBND ngày 3/6/2011 của Chủ tịch UBND phường L, thành phố K là không đúng pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Chế Thị Thanh K. Quyết định số 17/QĐ-CTUBND ngày 3/6/2011 của Chủ tịch UBND phường L, thành phố K công nhận một phần nội dung đơn khiếu nại của bà Chế thị Thanh K là có căn cứ, đúng pháp luật, phù hợp với quyền sử dụng đất mà ông Chế Thanh L đã được UBND cấp GCNQSDĐ. Toà án cấp sơ thẩm xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Chế Thị Thanh K là không đúng, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà K. Kháng cáo của bà K có cơ sở nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận, sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

[6] Về án phí hành chính sơ thẩm và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ:

Do bản án sơ thẩm bị sửa nên Toà án cấp phúc thẩm xác định lại nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH về án phí lệ phí Toà án.

Do Bản án sơ thẩm bị sửa và người khởi kiện không thoả thuận chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ nên Toà án cấp phúc thẩm xác định lại nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng theo quy định tại Điều 358; 359 Luật tố tụng hành chính. Theo hướng

người khởi kiện được Toà án chấp nhận không phải chịu, người bị kiện phải chịu theo quy định của pháp luật đã viện dẫn trên. Do bà K đã nộp và đã chi ở giai đoạn sơ thẩm số tiền 19.300.000 đồng. Nay buộc người bị kiện chịu nên buộc người bị kiện hoàn trả số tiền này cho người khởi kiện.

Về án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên bà K không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm nên được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính: Chấp nhận kháng cáo của bà Chế Thị Thanh K, sửa toàn bộ Bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, Điều 157, 158, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 206, 345, 348, 358, 359 Luật tổ tụng hành chính;

Căn cứ khoản 5 Điều 29 Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, Luật Khiếu nại, tố cáo năm 2005;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Chế Thị Thanh K đề ngày 01/4/2022:

Hủy Quyết định hành chính số 136/QĐ-UBND ngày 15/02/2022 của Chủ tịch UBND thành phố K về việc thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 17/QĐ-CTUBND ngày 03/6/2011 của Chủ tịch UBND phường L, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

2. Về án phí hành chính sơ thẩm và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ:

Bà Chế Thị Thanh K không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm nên được hoàn trả số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0000021 ngày 04/5/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kon Tum.

Buộc UBND thành phố K, tỉnh Kon Tum phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hành chính sơ thẩm.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Buộc UBND thành phố K, tỉnh Kon Tum phải chịu 19.300.000 đồng (mười chín triệu ba trăm ngàn đồng) và buộc

UBND thành phố K, tỉnh Kon Tum hoàn trả số tiền 19.300.000 đồng (mười chín triệu ba trăm ngàn đồng) cho bà Chế Thị Thanh K.

3. Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà Chế Thị Thanh K không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm nên được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm 300.000 đã nộp theo biên lai số AA/2021/0000027 ngày 6/10/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kon Tum.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án chủ động ra quyết định thi hành) hoặc có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 3 Điều 357 BLDS.

T hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7^a, 7^b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- Cục THADS tỉnh Kon Tum;
- Dương sự;
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án./

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Cường